BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SỸ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY03060: DỊCH TỄ HỌC THÚ Y (VETERINARY EPIDEMIOLOGY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 2 - Tự học: 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  + Học lý thuyết trên lớp: 25 tiết
  + Thuyết trình, thảo luận và làm bài tập trên lớp: 05 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Vi sinh vật – Truyền nhiễm.
  - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương □		Cơ sở ngành □		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □

- Học phần học song hành: TY03051_Bệnh truyền nhiễm thú y 1
- Học phần tiên quyết: TY02019 _ Vi sinh vật thú y
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh □ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Lưu ý: GV chỉ copy nội dung các CĐR và chỉ báo của CĐR mà môn học đáp ứng

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**
Kiến thức chung	
CĐR2. Áp dụng kiến thức thú y vào việc phòng chống dịch bệnh cho động vật một cách hiệu quả	2.1 Áp dụng kiến thức thú y vào việc Phân tích các yếu tố tự nhiên, kinh tế và xã hội liên quan đến công tác phòng chống dịch bệnh cho động vật.
Kiến thức chuyên môn	
CĐR4. Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, các quy trình phòng chống dịch bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.	4.2 Xây dựng chiến lược phòng chống bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CĐR5. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả.	5.1 Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo trong phân tích và đánh giá thông tin, dữ liệu
Kỹ năng chung	
CĐR7. Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hoá một cách hiệu quả; Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ công việc; đạt chuẩn tiếng Anh trình độ B1 theo qui định của Bộ GD&ĐT.	7.4. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ công việc
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR10. Sử dụng công nghệ thông tin và các thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra.	10.1 Sử dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra
Thái độ	
CĐR12. Tuân thủ quy định và luật pháp, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp	12.1. Tuân thủ pháp luật về thú y và các bên liên quan

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Mục tiêu***:

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về cơ chế chung của các bệnh truyền nhiễm và các biện pháp phòng chống dịch bệnh.
- Học phần rèn luyện cho người học biết nhận thức được các nguy cơ liên quan đến việc phát sinh bệnh trong quần thể.
- Học phần hình thành cho người học có khả năng giải quyết vấn đề bao gồm nhận biết vấn đề, nhận biết khi nào và bằng cách nào thu thập thông tin, đánh giá và lựa chọn các thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề

**** Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT					
		2.1	4.2	5.1	7.4	10.1	12.1
TY03060	Dịch tễ học thú y	**R**	**R**	**M**	**R**	**R**	**P**

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng thông tin, khái niệm đã biết về các yếu tố tự nhiên, kinh tế và xã hội liên quan đến dịch bệnh động vật vào một tình huống, điều kiện mới để giải quyết khi dịch xảy ra	2.1
K2	Hiểu được các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, các quy trình phòng chống dịch bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.	4.2

Kỹ năng		
K3	Có khả năng phản biện và sáng tạo trong phân tích và đánh giá thông tin, dữ liệu	5.1
K4	Sử dụng số liệu thu thập trong điều tra dịch tễ học để giải quyết các vấn đề trong trong phòng chống dịch bệnh	7.4
Thái độ		
K5	Tuân thủ các quy định của luật pháp	12.1

IV. Nội dung tóm tắt của học phần *(Không quá 100 từ)*

TY03060: Dịch tễ học Thú y (Tổng số tính chỉ: 02 – Tổng số tín chỉ lý thuyết: 2– Tổng số tín chỉ tự học: 6): Học phần này gồm những nội dung cơ bản của Dịch tễ học Thú y như Mục tiêu và nhiệm vụ môn học; Khái niệm và thuật ngữ thường dùng trong dịch tễ học; Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm; Biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm; Các thông số đo lường dịch tễ học; Dịch tễ học mô tả; Dịch tễ học phân tích; Phương pháp chọn mẫu và tính số mẫu nghiên cứu; Phân tích, đánh giá chẩn đoán qua xét nghiệm. ***Phương pháp giảng dạy***: Sinh viên nghe giảng trên lớp, tự học ở nhà, tự tìm tài liệu, trao đổi với bạn bè, thầy cô. Sinh viên tự làm bài tập dưới sự hướng dẫn của thầy cô. ***Phương pháp đánh giá:*** Điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra giữa kỳ 30% và điểm thi 60%. ***Học phần trước***: Không

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD / PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	x	x	x	x	x
Làm bài tập			x	x	

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên phải dự lớp, ghi chép đầy đủ, ít nhất phải có một giáo trình hoặc bài giảng;
- Giáo viên ra chủ đề liên quan đến môn học, gợi ý những việc cần làm để sinh viên liên hệ thu thập số liệu, tổng hợp, xử lý số liệu và viết báo cáo hoặc tiểu luận;

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đủ ít nhất 75% số tiết lý thuyết (không vắng quá ¼ số tiết theo quy định dạy và học của Học viện).
- Chuẩn bị cho bài giảng: tất cả sinh viên tham dự học phần này phải trang bị đầy đủ giáo trình/bài giảng và đọc bài trước khi đến lớp
- Kiểm tra giữa kỳ: nộp bài kiểm tra giữa kỳ theo yêu cầu của giảng viên
- Thi cuối kì: bắt buộc sinh viên phải tham gia kiểm tra cuối kì theo lịch của ban Quản lý đào tạo

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)						
Rubric 1. Tham dự lớp (10%)					x	Tuần 1-10
Rubric 2. Kiểm tra giữa kỳ (30%)				x		Tuần 5-10
Đánh giá cuối kì (60%)						
Rubric 3. Thi cuối kì (60%)	x	x	x	x		Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1: Tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/ không tham gia
Thời gian tham dự	50	SV tham gia 80% số buổi trở lên thì được coi là đủ; vắng 1 buổi không lý do chính đáng bị trừ 10%.			

Rubric 2. Đánh giá kiểm tra giữa kỳ

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá
Làm bài tập, tính các tỷ lệ mắc, tỷ lệ chết, tỷ lệ tử vong của 1 đàn mắc 1 bệnh nào đó	Tính toán số liệu về 1 bệnh xảy ra trong quần thể	K3, K4

Rubric 3: Đánh giá Thi cuối kì

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận. Bắt buộc tham gia đầy đủ và đánh giá theo đáp án.

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung trả lời câu hỏi (2 câu lý thuyết + 1 câu bài tập)	20	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	30	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
	50	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng

Rubric 3. Thi cuối kỳ

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Vận dụng kiến thức căn bản trong Dịch tễ học để quản lý, chăm sóc, chẩn đoán, phòng trị bệnh và sử dụng động vật.
K2	Chỉ báo 2: Hiểu được nguyên lý của các công tác phòng chống dịch
K3	Chỉ báo 3: Diễn giải được số liệu và tính toán để làm sáng tỏ các giả thuyết
K4	Chỉ báo 4: Áp dụng nhiều kỹ năng từ chẩn đoán đến công tác phòng chống bệnh theo thứ tự chính xác, nhịp nhàng và ổn định trong phòng chống dịch bệnh để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, sự tương đồng và khác nhau của phương pháp khảo sát.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Nộp bài chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài kiểm tra giữa kỳ chậm sẽ bị trừ điểm: 1 ngày trừ 1 điểm, 2 ngày trừ thêm 2 điểm, 3 ngày trừ thêm 3 điểm… (nghĩa là chậm 3 ngày sẽ bị trừ tổng cộng 1+2+3= 6 điểm)
- Tham dự các bài kiểm tra/thi: Không tham gia kiểm tra/thi bài nào sẽ mất điểm bài đó; điểm kiểm tra giữa kỳ cũng là một căn cứ để xem xét điểm chuyên cần.
- Yêu cầu về đạo đức: Mọi gian lận trong học tập (VD điểm danh hộ) và thi cử (VD sử dụng tài liệu/vật dụng không được phép, nhìn bài, trao đổi khi làm bài) sẽ bị xử lí theo quy chế chung…

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

**** Sách giáo trình/Bài giảng:*** *(Liệt kê ít nhất 1 giáo trình- cập nhật mới từ 3 năm trở lại đây)*

- Trương Hà Thái, Chu Thị Thanh Hương, Mai Thị Ngân. Bài giảng Dịch tễ học thú y. 2021. Tài liệu lưu hành nội bộ

**** Tài liệu tham khảo khác:*** *(Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)*

- Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Lê Văn Lãnh, Đỗ Ngọc Thúy, Nguyễn Văn Giáp, Đặng Hữu Anh, Trương Hà Thái, Chu Thị Thanh Hương (2020). Giáo trình Bệnh truyền nhiễm Thú y. NXB Học viện nông nghiệp.

- Trương Hà Thái. Bài giảng Luật thú y. 2021. Tài liệu lưu hành nội bộ

- Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Đặng Hữu Anh, Nguyễn Văn Giáp, Mai Thị Ngân, Trương Hà Thái (2021) Sáu bệnh do virus gây ra ở gia cầm mới được phát hiện tại Việt nam. NXB Học viện nông nghiệp Việt nam

X. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1	***Chương 1: Mục tiêu và nhiệm vụ của Dịch tễ học***	

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	***A/* Các nội dung chính trên lớp**: *(2 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** *(2 tiết)* 1.1. Một vài khái niệm cơ bản về dịch tễ học 1.2. Đối tượng và mục tiêu của Dịch tễ học 1.3. Phạm vi của Dịch tễ học 1.4. Vai trò của dịch tễ học 1.5. Nhiệm vụ của Dịch tễ học 1.6. Nội dung của môn Dịch tễ học	K1
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6 tiết)* Mối quan hệ của Dịch tễ học với các môn học và lĩnh vực khác	
2 + 3	***Chương 2:* Khái niệm và thuật ngữ thường dùng trong dịch tễ học**	
	***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp**: *(2 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** *(2 tiết)* 2.1.Quá trình tự nhiên của bệnh 2.2. Điều kiện để bệnh phát triển 2.3. Định đề Kock 2.4.Các mô hình của dịch bệnh 2.5. Một số thuật ngữ thường dùng	K1, K2
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6 tiết)* Học các thuật nghữ dùng thường dùng trong bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm	K1
3 + 4	***Chương 3: Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm***	
	***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(3 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)* 3.1. Quá trình nhiễm trùng 3.2. Sự thích ứng bảo vệ tự nhiên của cơ thể 3.3. Quá trình tiến triển của bệnh 3.4. Các thể bệnh nhiễm trùng 3.5. Bài mầm bệnh 3.6. Quá trình truyền lây 3.7. Các dạng hình thái, mức độ dịch	K1, K2
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(9 tiết)* Sinh viên tìm hiểu về các quá trình nhiễm trùng, sự thích nghi bảo vệ cơ th từ đó có những hiểu biết về hình thái, tính chất, quy luật của các bệnh truyền nhiễm.	K1, K2, K3
4+5	***Chương 4: Biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm***	
	***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(3 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)* 4.1. Nguyên lý của các biện pháp phòng chống bệnh	K1, K2, K3

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	4.2. Công tác điều tra dịch tễ học 4.3. Biện pháp đối với nguồn bệnh 4.4. Biện pháp đối với nhân tố truyền lây 4.5. Biện pháp bảo vệ động vật thụ cảm 4.6. Biện pháp cần thực hiện trong ổ dịch 4.7. Công tác khống chế và thanh toán dịch bệnh	
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(9 tiết)* Tìm hiểu về các biện pháp khống chế thanh toán bệnh truyền nhiễm, ứng dụng những kiến thức đã học để lập phiếu điều tra ổ dịch Các nhóm được phân công báo cáo, nêu ý kiến về chủ đề được giao	K1, K2, K3
5 + 6	***Chương 5: Các thông số đo lường dịch tễ học***	
	***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(3 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** 5.1. Khái niệm về số liệu và bảng số liệu 5.2. Khái niệm về tỷ số, tỷ lệ, tỷ suất 5.3. Các thông số đo lường dịch tễ học	K4
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(9 tiết)* Áp dụng các công thức đã học để làm các bài tập về nhà được giao	
6+7	***Chương 6: Dịch tễ học mô tả***	
	***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(3 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)* 6.1. Phương pháp nghiên cứu mô tả 6.2. Nghiên cứu mô tả trong thú y 6.3. Giả thuyết nhân quả trong dịch tễ học 6.4. Các tình huống cho việc hình thành giả thuyết	K3,K4
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(9 tiết)* Ứng dụng kiến thức đã học để làm bài thu hoạch Mô tả các đặc điểm tự nhiên, xã hội tại một địa phương có thể ảnh hưởng đến tình hình dịch bệnh như thế nào.	K3, K4
7+8	***Chương 7: Dịch tễ học phân tích***	
	***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(3 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)* 7.1. Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng 7.1.1. Định nghĩa 7.1.2. Thiết kế và thực hiện nghiên cứu bệnh chứng 7.1.3. Phân tích nghiên cứu bệnh chứng	K2, K4

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	7.1.4. Đánh giá kết quả nghiên cứu 7.2. Phương pháp nghiên cứu thuần tập 7.2.1. Định nghĩa 7.2.2. Các loại nghiên cứu thuần tập 7.2.3. Thiết kế và thực hiện nghiên cứu thuần tập 7.2.4. Phân tích kết quả nghiên cứu 7.2.5. Đánh giá kết quả nghiên cứu 7.2.6. Ưu nhược điểm của nghiên cứu thuần tập	
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(9 tiết)* Phân biệt nghiên cứu bệnh – chứng và nghiên cứu thuần tập Ứng dụng các công thức đã học để tính tỷ suất chênh, nguy cơ tương đối, nguy cơ quy thuộc và nguy cơ quy thuộc theo phần trăm, nguy cơ quy thuộc quần thể và nguy cơ quy thuộc quần thể theo phần trăm	K2, K4
8+9	***Chương 8: Phương pháp chọn mẫu và tính số mẫu nghiên cứu***	
	***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(2 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** *(2 tiết)* 8.1. Mục đích và ý nghĩa 8.2. Các kỹ thuật chọn mẫu cơ bản 8.3. Số lượng mẫu nghiên cứu	K2, K4
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6 tiết)* Ứng dụng các công thức chọn mẫu cơ bản để làm các bài tập về nhà giáo viên giao Tìm hiểu cách sử dụng một số phần mềm sử dụng trong dịch tễ học	K3, K4
9+10	***Chương 9: Phân tích đánh giá chẩn đoán qua xét nghiệm***	
	***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(3 tiết)* **Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)* 9.1. Tính chính xác và chuẩn xác của xét nghiệm 9.2. Độ nhạy và tính đặc hiệu của xét nghiệm 9.3. Giá trị dự báo hay tiên đoán của xét nghiệm 9.5. Số mắc bệnh và số hiện mắc 9.6. Sử dụng xét nghiệm để khảo sát sự lưu hành	K3, K4
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(9 tiết)* Ứng dụng các công thức đã học để làm các bài tập, so sánh độ nhạy độ đặc hiệu của các phương pháp chẩn đoán thường dùng trong thú y	K4

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Cơ sở vật chất đầy đủ cho việc học e-learning, Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thông thoáng, phòng thực tập dễ dàng vệ sinh tiêu độc

- Trang thiết bị máy móc:
+ Máy chiếu (projector) và màn chiếu
+ Loa cá nhân
+ Bảng
- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN	**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Huỳnh Thị Mỹ Lệ	Cao Thị Phương Thảo
TRƯỞNG KHOA	**KT. GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Trần Anh Đào	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM PHÓ GIÁM ĐỐC GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần *(Chọn GV có trình độ tiến sĩ trở lên)*

Họ và tên: Trương Hà Thái	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn VSV – TN, Khoa Thú y	Điện thoại liên hệ: 0967861168
Email: ththai@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Email hoặc liên lạc trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Chu Thị Thanh Hương	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn VSV – TN, Khoa Thú y	Điện thoại liên hệ: 0392207936
Email:ctthuong@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: Email hoặc liên lạc trực tiếp (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Mai Thị Ngân	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn VSV – TN, Khoa Thú y	Điện thoại liên hệ:
Email: mtngan@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết giảng	x	x	x	x	x
Làm bài tập			x	x	
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Chuyên cần	x	x	x	x	x
Rubric 2. Kiểm tra giữa kỳ			x	x	
Rubric 3.Thi cuối kì	x	x	x	x	

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG

- Lần 1: 7/2017 (Cải tiến đề cương môn học theo CĐR và bảng IPRM năm 2017)
- Lần 2: 7/2018 (Thêm chương 8 – Phương pháp chọn mẫu và tính số mẫu nghiên cứu)
- Lần 3: 7/2019 (Chuyển đổi môn học từ 3 tín chỉ sang 2 tín chỉ, không còn thực tập môn học)
- Lần 4: 7/2020 (Rà soát và cập nhật nội dung bài giảng phù hợp với hình thức học tập từ offline sang online trong thời gian Covid ở Việt nam)
- Lần 5: 8/ 2021 (Sau 1 năm giảng dạy và học tập bằng hình thức online qua Ms team, tiếp tục chỉnh sửa nội dung bài giảng cho phù hợp với điều kiện thực tế)
- Lần 6: 7/2022 (Thêm chương 9 - Phân tích đánh giá chẩn đoán qua xét nghiệm)